

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh;

Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát như dự thảo đính kèm.

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Trương Minh Tuấn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VSH-BKS ngày tháng năm 2021
của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh)

PHẦN I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

PHẦN II

THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty. Đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
5. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế, lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các Cổ đông.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Thành viên Ban Kiểm soát là những người đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm, thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ là Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan theo Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát.

- b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát.
- c. Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Kiểm soát.
- d. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Ban để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- đ. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- e. Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (quý/năm) và phân công tổ chức thực hiện.
- f. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập HĐQT bất thường theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- g. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng Cổ đông.
- h. Thay mặt Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp quan trọng của Công ty khi thấy cần thiết.
- i. Lập và ký các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- j. Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.
- b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát

được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác.
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

PHẦN III HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng, quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát

1. Được HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản thuộc về chủ trương, chính sách, các văn bản của Công ty và các tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu.
2. Trường hợp cần thiết Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc chấp thuận về việc sử dụng CB-NLĐ Công ty để thực hiện chương trình làm việc của Ban.
3. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các Chi nhánh, phòng, ban của Công ty cung cấp số

liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.

4. Được cung cấp các tài liệu liên quan đến các cuộc họp HĐQT vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT.

5. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

6. Được gửi báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT. Các báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty phải được gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức Đại hội 30 ngày làm việc để thẩm định.

7. Báo cáo quy định tại các khoản 6 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

b. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng Quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm vào ngày thích hợp do Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 07 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. Cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát có mặt.

2. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

d. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua về một vấn đề thì quyết định thông qua được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên.

d. Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường

Điều 15. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát:

1. Trưởng Ban Kiểm soát cử một thành viên lập biên bản cuộc họp.

2. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau :

a. Ngày, tháng, năm họp. Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;

b. Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;

c. Thành phần tham gia họp, những người vắng mặt;

d. Những nội dung được đưa ra trao đổi;

đ. Kết luận từng vấn đề;

e. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ tại Công ty.

3. Trưởng Ban Kiểm soát quản lý Biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Đại hội đồng Cổ đông.

4. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và kinh phí hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng kinh phí hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Đại hội đồng Cổ đông

Ban Kiểm soát và các thành viên của Ban Kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát định kỳ cho ĐHCĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHCĐ.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng Quản trị

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng Quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Tham mưu cho HĐQT Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất về việc thuê chuyên gia.

Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

**PHẦN VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm thực hiện; thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban Kiểm soát để xem xét quyết định.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**